

MỤC 32: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ AN LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐH.504	RANH XÃ PHƯỚC THÀNH	ĐH.507	3.800	1.500	1.100
2	ĐH.507	CẦU ĐÔI, RANH XÃ PHƯỚC THÀNH	ĐH.510	4.700	1.900	1.400
		ĐH.510	ĐƯỜNG BA BĂNG	5.500	2.200	1.700
		ĐƯỜNG BA BĂNG	RANH XÃ PHƯỚC THÀNH	4.700	1.900	1.400
3	ĐH.509	RANH XÃ PHƯỚC THÀNH	ĐƯỜNG ĐH.507 (NGÃ 3 CHÙA PHƯỚC LINH)	3.400	1.400	1.000
4	ĐH.510	ĐƯỜNG ĐH.507	ĐT.741C (ĐH.516 CŨ)	3.400	1.400	1.000
5	ĐH.517	ĐƯỜNG ĐT.750	GIÁP RA PHƯỜNG BẾN CÁT	2.200	900	700
6	ĐT.741C (ĐH.516 CŨ)	RANH XÃ BÀU BÀNG	CẦU SUỐI THÔN	5.500	2.200	1.700
		CẦU SUỐI THÔN	NGÃ 3 GIỮA ĐƯỜNG ĐT 741C VÀ ĐH 510	5.100	2.000	1.500
		NGÃ 3 GIỮA ĐƯỜNG ĐT 741C VÀ ĐH 510	GIÁP RANH PHƯỜNG CHƠN THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI	4.300	1.700	1.300
7	ĐT.750	CẦU SỐ 1 XÃ PHƯỚC HÒA	CẦU SỐ 4 XÃ AN LONG	4.700	1.900	1.400

MỤC 32: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ AN LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		CẦU SỐ 4 XÃ AN LONG	RANH XÃ TRỪ VĂN THỔ	5.300	2.100	1.600
8	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI TRONG CÁC KHU CÔNG NGHỆ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP, KHU SẢN XUẤT, KHU CHẾ XUẤT CÒN LẠI.	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		3.400	1.400	1.000
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG NHỎ HƠN 9M		2.800	1.100	800
9	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG CÁC KHU THƯỜNG MẠI, KHU DỊCH VỤ, KHU DU LỊCH, KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ (HIỆN HỮU) CÒN LẠI.	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		3.700	1.500	1.100
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG NHỎ HƠN 9M		3.200	1.300	1.000
10	TẠO LỰC BẮC TÂN UYÊN - PHÚ GIÁO - BÀU BÀNG (THUỘC ĐỊA BÀN CÁC XÃ)	CẦU SÔNG BÉ, XÃ AN LONG	RANH PHƯỜNG BẾN CÁT	5.500	2.200	1.700